

Số: 36/2018/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Ông Đặng Quốc Khởi

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 36/2017/QĐST - HC ngày 21 tháng 8 năm 2017.

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã căn cứ vào khoản 5 Điều 38, điểm g Khoản 1 Điều 143 và Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc khiếu kiện Quyết định số 308/QĐ-UB.NĐ ngày 11/8/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (gọi tắt là Quyết định 308); Quyết định số 159/QĐ.UB ngày 20/4/2000 của Ủy ban nhân dân huyện C (gọi tắt là Quyết định 159) và Quyết định số 266/QĐ.UB ngày 21/7/2000 của Ủy ban nhân dân huyện C (gọi tắt là Quyết định 266) giữa:

- Người khởi kiện: Anh Nguyễn Giang H, địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

2/ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn G;

2/ Chị Cao Thu N;

3/ Anh Cao Đức H

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại đơn kháng cáo ngày 29/8/2017, anh Nguyễn Giang H kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 36/2017/QĐST - HC ngày

21 tháng 8 năm 2017 vì lý do Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hết thời hiệu là không đúng.

XÉT THẤY:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp anh Nguyễn Giang H trình bày: Vào năm 2000, anh có biết giữa cha anh là ông Nguyễn Văn G và ông Cao Thanh V có tranh chấp với nhau, nhưng vì tình cảm xóm giềng nên anh có khuyên ông G không nên tranh chấp, thời điểm này anh cũng nghe có quyết định giải quyết giữa ông G và ông V nhưng anh không quan tâm, anh cũng biết có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng anh cũng không quan tâm vì phần đất trên là do cha mẹ bỏ tiền ra mua và để anh đứng tên. Có lần anh đi đăng ký quyền sử dụng nhưng Ủy ban nhân dân xã không cho vì đất đang tranh chấp. Năm 2008, anh tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã không giải quyết vì cho rằng đã có Quyết định số 308 của UBND tỉnh. Đến ngày 10/7/2009, đại diện Ủy ban nhân dân có lập biên bản về việc thực hiện Quyết định 308 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ anh có mặt, có nêu ý kiến nhưng không đồng ý nên không ký tên vào biên bản, cho đến năm 2015 anh mới khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã tranh chấp quyền sử dụng đất với chị Cao Thu N và anh Cao Đức H. Ngày 04/6/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 trả lời không thụ lý giải quyết đơn, anh không đồng ý nên khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 21/9/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản số 536 trả lời đơn là không thụ lý giải quyết. Năm 2016, anh có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T1 ngăn chặn việc anh H và chị N xây dựng nhà kiên cố, Ủy ban nhân dân xã T1 ban hành Văn bản số 30/UBND-NC ngày 04/3/2016 trả lời khiếu nại là việc anh H yêu cầu ngăn chặn hành vi là không đúng pháp luật. Nên anh Nguyễn Giang H khởi kiện ra Tòa án.

Tại Công văn số 98/UBND-VP ngày 25/11/2008 của Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, nội dung trả lời khiếu nại cho anh H về việc tranh chấp ranh đất, cho rằng sự việc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giải quyết bằng Quyết định 308.

Tại Biên bản về việc thực hiện Quyết định 308 có ghi nhận ý kiến của anh H có nội dung *“Chưa thống nhất theo nội dung Quyết định 308, vì phần đất giáp ranh Kênh Xã Khánh giải quyết chiều ngang 28m, nhưng thực tế phần đất của ông là 30mét”*.

Như vậy, từ năm 2000 đến ngày 10/7/2009 khi thực hiện Quyết định 308/QĐ-UB.NĐ ngày 11/8/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, anh Nguyễn Giang H đã biết được các quyết định giải quyết tranh chấp đất giữa ông G và ông V nhưng anh H chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp đất tại Ủy ban nhân dân xã T1 và Ủy ban nhân dân huyện C từ năm 2008 đến năm 2016 mà không khiếu nại các Quyết định 159, Quyết định số 266, Quyết định 308 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và cũng không khởi kiện ra Tòa án trong thời hạn 01 năm kể từ ngày biết được các quyết định hành chính nêu trên.

Việc kiện của anh Nguyễn Giang H hết thời hiệu khởi kiện quy định tại

Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính 2011; Điều 2 Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tổ tụng hành chính 2011; khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 36/2017/QĐST - HC ngày 21 tháng 8 năm 2017 do hết thời hiệu là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Giang H có bà Nguyễn Thị Bích L đại diện, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 36/2017/QĐST - HC ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp đề nghị.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật Tổ tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Giang H có bà Nguyễn Thị Bích L đại diện.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 36/2017/QĐST - HC ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Nguyễn Giang H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm anh Nguyễn Giang H đã nộp theo lai thu số 17284 ngày 29/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Anh Nguyễn Giang H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- NKK;
- NBK;
- Lưu: VP; HS; 16bTNB

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương